

Số: 644 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-BKHCN ngày 04/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực viễn thông và internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 65/TTr-SKHCN ngày 07/02/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: 01 thủ tục hành chính lĩnh vực viễn thông và internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 851/QĐ-BKHCN ngày 04/02/2026 của

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực viễn thông và internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (*Chi tiết, có Phụ lục đính kèm*).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1	2.002847	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách do doanh nghiệp gửi, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ và có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết để doanh nghiệp thông báo cho đối tượng sử dụng.	Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách do doanh nghiệp gửi, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ và có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết để doanh nghiệp thông báo cho đối tượng sử dụng.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.	Không quy định	x	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích. - Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích	

Số: 253 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-BKHCN ngày 12/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 04/TTr-SKHCN ngày 15/01/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: 06 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 248/QĐ-BKHCN ngày

12/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (*Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm*).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 14 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 3091/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ (*Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm*).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (BTP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT. N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Hoàng Minh Cường*

**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH  
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
I	<b>LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ HẠT NHÂN</b>						
1	1.014674	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khai báo	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khai báo	- Trung tâm Phục hành công phố; - Trung tâm Phục hành công cấp xã.	Không quy định	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
2	1.014675	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	- 15 ngày làm việc đối với sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - 25 ngày làm việc đối với sử dụng thiết bị phát	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính công phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	(1) Phí thẩm định cấp Giấy phép: + Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị.	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử và bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra và an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.			<p>đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị đo hạt nhân: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</p>	<p>- Thông tư 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
						<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sử dụng thiết bị phân tích huỳnh quang tia X: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</li> <li>+ Sử dụng thiết bị đo sắc ký khí: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</li> <li>+ Sử dụng thiết bị khử tinh điện: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</li> <li>+ Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong soi kiểm tra bo mạch: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</li> <li>+ Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong kiểm tra an</li> </ul>	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
						<p>ninh: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng phổ kế Mossbauer: 4.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị SPECT (SPECT/CT): Chưa có quy định. (2) Lệ phí cấp phép: Không</p>	
3	1.014679	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT),	- 18 ngày làm việc đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh xạ công nghiệp)	Không cắt giảm thời gian	<p>- Trung tâm Phục hành công thành phố; - Trung tâm Phục hành công cấp xã.</p>	<p>Phí thẩm định gia hạn Giấy phép: 75% mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép lần đầu.</p>	<p>- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - 15 ngày làm việc đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				<p>ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
4	1.014676	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chưa quy định	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.
5	1.014677	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính	Không quy định	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	lệ theo quy định.		công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.		- Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.
6	1.014678	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).					<p>ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p>

Số: 524

/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 6 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi,  
chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-BKHHCN ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 62/TTr-SKHHCN ngày 03/02/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 04 thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. Nội

dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 672/QĐ-BKHHCN ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (*Chi tiết, có Phụ lục đính kèm*).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) đảm bảo đúng quy định, hoàn thành trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - BTP;
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>I LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>									
1	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Đối với các hợp đồng chuyên giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và	x		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyên giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
2	1.013918	Thủ tục chấp thuận	30 ngày làm việc kể từ	15 ngày làm việc kể từ	- Trung tâm Phục	tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	x		<p>đồng cấp Giấy phép chuyên giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên giao công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>- Luật Chuyên giao công nghệ số 07/2017/QH14</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		chuyên giao công nghệ	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	với xem xét, chấp thuận chuyên giao công nghệ là 10 (mười) triệu đồng			ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
3	1.013927	Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	x		<p><i>Khoa học và Công nghệ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luât Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017;</li> <li>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến</li> </ul>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
4	1.011812	Thủ tục nhận quà nghiên cứu và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc; - Công nhận kết quả	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 7,5 ngày làm việc; - Công nhận kết quả	- Trung tâm vụ chính công cấp tỉnh; - Trung tâm vụ chính công cấp xã.	Không định quy	x		hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Luật Chuyên giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyên giao công nghệ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyên giao công nghệ;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			nghiên cứu và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận kết quả đánh giá sơ bộ của hội đồng	nghiên cứu và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu: 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận kết quả đánh giá sơ bộ của hội đồng					- Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Số: 253 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-BKHHCN ngày 12/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 04/TTr-SKHHCN ngày 15/01/2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: 06 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 248/QĐ-BKHHCN ngày

12/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (*Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm*).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 14 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 3091/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ (*Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm*).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (BTP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT. N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

 *Uuy*

**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
I	<b>LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ HẠT NHÂN</b>						
1	1.014674	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu khai báo	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu khai báo	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
2	1.014675	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	- 15 ngày làm việc đối với sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT)	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	(1) Phí thẩm định cấp Giấy phép: + Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị	hạt nhân. - Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
						<p>đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị.</p> <p>+ Sử dụng thiết bị đo hạt nhân: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</p>	<p>- Thông tư 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
						<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sử dụng thiết bị phân tích huỳnh quang tia X: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</li> <li>+ Sử dụng thiết bị đo sắc ký khí: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</li> <li>+ Sử dụng thiết bị khử tĩnh điện: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</li> <li>+ Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong soi kiểm tra bo mạch: 4.000.000 đồng/1 thiết bị.</li> <li>+ Sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong kiểm tra an</li> </ul>	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - 15 ngày làm việc đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				<p>ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
3	1.014679	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT),	- 18 ngày làm việc đối với gia hạn Giấy phép sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)	Không cắt thời gian	- Trung tâm vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	<p>Phí thẩm định gia hạn Giấy phép: 75% mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép lần đầu.</p> <p>(2) Lệ phí cấp phép: Không</p>	<p>- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).			công thành phố; - Trung tâm Phục hình chính công cấp xã.		- Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.
6	1.014678	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Trung tâm Phục hình chính công thành phố; - Trung tâm Phục hình chính công cấp xã.	Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
4	1.014676	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chưa quy định	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.
5	1.014677	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính	Không quy định	- Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).					<p>ninh, thanh sát hạt nhân, thông báo, khai báo, cấp phép, thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và bồi thường thiệt hại hạt nhân.</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p>

Số: 5438 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 4211/QĐ-BKHHCN ngày 17/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 404/TTr-SKHHCN ngày 25/12/2025 và Tờ trình số 409/TTr-SKHHCN ngày 30/12/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố và phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, quy trình

nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: 12 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 4211/QĐ-BKH-CN ngày 17/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm).

2. Phê duyệt 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (Chi tiết, có phụ lục II đính kèm)

### **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường đặc khu để niêm yết, công khai, hướng dẫn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Minh Cường**

## Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

## I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1	1.014536	Thủ tục hỗ trợ tổ chức hội thảo học tại Việt Nam	Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ tiếp hợp lệ	Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ tiếp hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định		x	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hồ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
2	1.014537	Thủ tục hỗ trợ phát triển chí khoa học	Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Tối đa 15 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm vụ chính công cấp tỉnh; - Trung tâm vụ chính công cấp xã.	Không quy định		x	trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ. - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.
3	1.014538	Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng	Tối đa 30 ngày kể từ tiếp ngày	Tối đa 15 ngày tiếp	- Trung tâm vụ chính công	Không quy định		x	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025;

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất	nhận hồ sơ hợp lệ	nhận hồ sơ hợp lệ	chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.
4	1.014539	Thủ tục hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học, công nghệ và đổi	Tối đa 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Tối đa 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm	Không quy định		x	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		mới sáng tạo biến thức			vụ hành chính công cấp xã.				<p>tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>- Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.</p>
5	1.014540	Thủ tục hỗ trợ thực nghiệm cứu ngăn hạn ở nước ngoài	Tối đa 30 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Tối đa 15 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh;</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	Không quy định		x	<p>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
6	1.014542	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu viên sau tiến sĩ	Tối đa 60 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Tối đa 30 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định		x	khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ. - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
7	1.014541	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ và học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ	Tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ tiếp hợp lệ	Tối đa 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định		x	Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ. - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
8	1.014544	Thủ tục hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nhà khoa học xuất sắc có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Tối đa 60 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Tối đa 30 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định		x	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.
9	1.014547	Thủ tục hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc ngoài nước ngoài	Tối đa 30 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Tối đa 15 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh;	Không quy định		x	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		Viết đơn Nam trao học đồ thuật ngắn hạn			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.				<p>dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>- Thông tư số 43/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.</p>
10	1.014549	Thủ tục hỗ trợ tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế	Tối đa 30 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Tối đa 15 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định		x	<p>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
11	1.014551	Thủ tục hỗ trợ công bố khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế	Tối đa 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Tối đa 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định		x	thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ. - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
12	1.014553	Thủ tục hỗ trợ nhà học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng	Tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Tối đa 30 ngày kể từ tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm hành chính công cấp tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Không quy định		x	Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ. - Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.

**Phụ lục II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**1. Thủ tục xét duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

**1.1. Thời hạn giải quyết:**

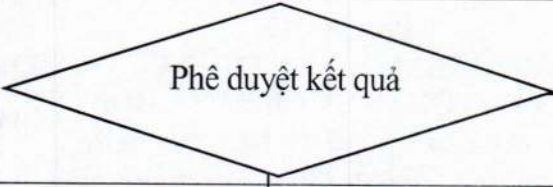
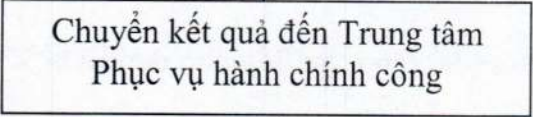
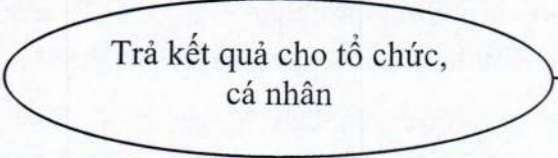
- Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 7 và 8 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối với các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: 17,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

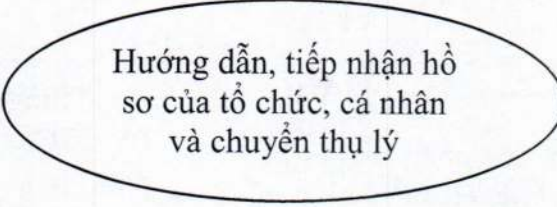
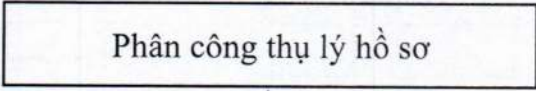
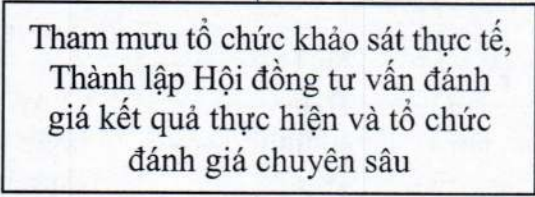
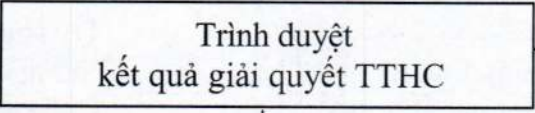
**1.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:**

- Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 7 và 8 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyển thụ lý	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Trưởng phòng Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	0,25 ngày làm việc
B3	Tham mưu thành lập Tổ thẩm định, Tổ chức thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	11 ngày làm việc
B4	Trình duyệt kết quả giải quyết TTHC	Trưởng phòng Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	0,25 ngày làm việc

<b>B5</b>		Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	0,5 ngày làm việc
<b>B6</b>		Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	0,25 ngày làm việc
<b>B7</b>		- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	Không tính thời gian

- Đối với các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: 17,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

<b>Các bước thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>B1</b>		- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC cấp xã	0,25 ngày làm việc
<b>B2</b>		Trưởng phòng Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	0,25 ngày làm việc
<b>B3</b>		Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	16 ngày làm việc
<b>B4</b>		Trưởng phòng Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	0,25 ngày làm việc

B5		Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	0,5 ngày làm việc
B6		Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	0,25 ngày làm việc
B7		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm PVHCC thành phố</li> <li>- Trung tâm PVHCC cấp xã</li> </ul>	Không tính thời gian

### 1.3. Diễn giải quy trình

*\* Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 7 và 8 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.*

#### a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Công chức Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân; chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo trong thời gian 0,25 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện, công chức tiếp nhận hồ sơ lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ.

#### b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định

Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo thẩm định hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phải có văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện:

+ Trong thời hạn 0,25 ngày làm việc công chức của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố chuyển hồ sơ cho Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo phân công thụ lý hồ sơ.

+ Trong thời hạn 0,25 ngày làm việc Trưởng phòng Phòng Quản lý Công nghệ và Đội mới sáng tạo phân công thụ lý hồ sơ.

+ Trong thời hạn 11 ngày làm việc, Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghệ và Đội mới sáng tạo tham mưu thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong thời hạn 0,25 ngày làm việc, Trưởng phòng Phòng Quản lý Công nghệ và Đội mới sáng tạo xem xét trình Lãnh đạo Sở kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Lãnh đạo Sở xem xét ký kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong thời hạn 0,25 ngày làm việc Phòng Quản lý Công nghệ và Đội mới sáng tạo chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính đến công chức Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

### **c) Trả kết quả**

Công chức Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Công chức Bộ phận Hướng dẫn tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố để trả kết quả cho tổ chức hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trường hợp tiếp nhận hồ sơ không phụ thuộc địa giới hành chính trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

*\* Đối với các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: 17,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ*

#### **a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Công chức Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

+ Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân; chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý Công nghệ và Đội mới sáng tạo trong thời gian 0,25 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện, công chức tiếp nhận hồ sơ lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ.

#### **b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định**

Phòng Quản lý Công nghệ và Đội mới sáng tạo thẩm định hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phải có văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện:

+ Trong thời hạn 0,25 ngày làm việc công chức của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố chuyển hồ sơ cho Trường phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo phân công thụ lý hồ sơ.

+ Trong thời hạn 0,25 ngày làm việc Trường phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo phân công thụ lý hồ sơ.

+ Trong thời hạn 16 ngày làm việc, Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tham mưu tổ chức khảo sát thực tế, thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức đánh giá chuyên sâu, trình Lãnh đạo Phòng dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong thời hạn 0,25 ngày làm việc, Trường phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo xem xét trình Lãnh đạo Sở kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Lãnh đạo Sở xem xét ký kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trong thời hạn 0,25 ngày làm việc Phòng Quản lý Công nghệ và Đổi mới sáng tạo chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính đến công chức Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

### **c) Trả kết quả**

Công chức Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Công chức Bộ phận Hướng dẫn tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố để trả kết quả cho tổ chức hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trường hợp tiếp nhận hồ sơ không phụ thuộc địa giới hành chính trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

GALE  
1911  
1912

1913  
1914  
1915

1916

1917

Số: 3926 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2774/QĐ-BKHHCN ngày 18/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 303/TTr-SKHHCN ngày 19/9/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 07 thủ tục hành chính lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2774/QĐ-BKHHCN ngày 18/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được

sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Chi tiết, có phụ lục đính kèm).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Ban hành quy trình nội bộ, xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) đảm bảo đúng quy định, hoàn thành trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định này.

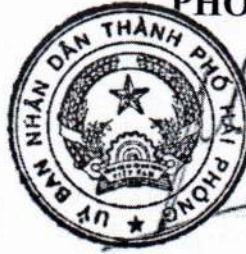
2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

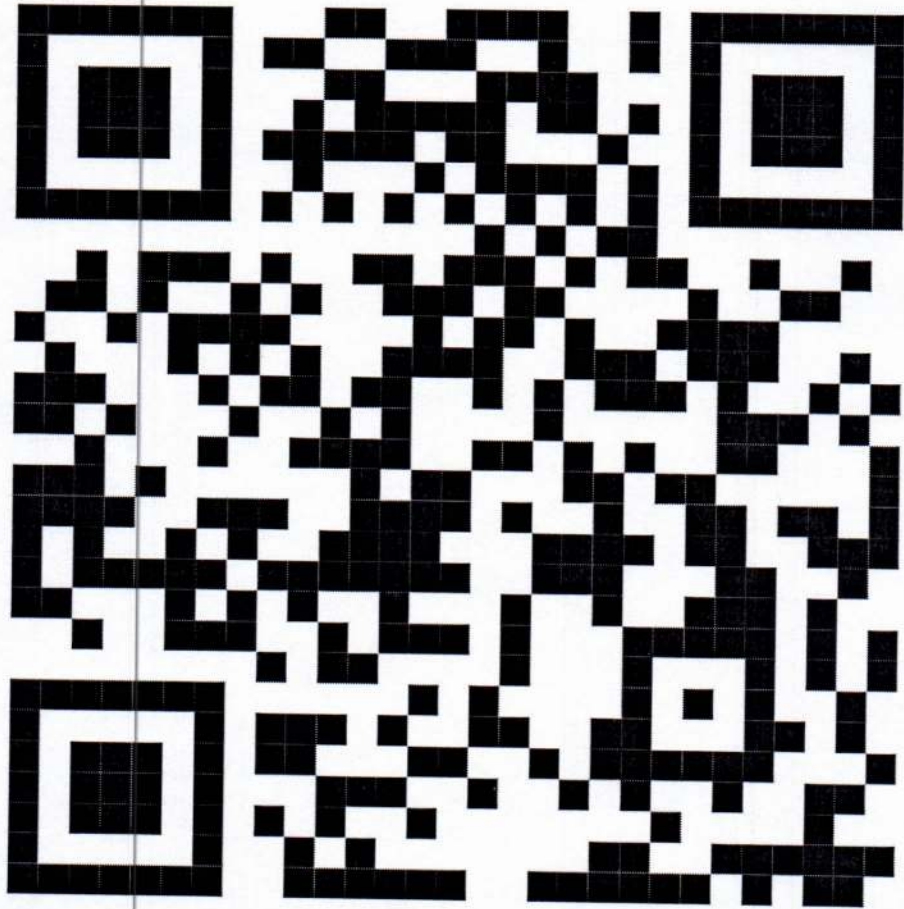


**Hoàng Minh Cường**

**MÃ QR THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Sửa đổi bổ sung lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

( Theo QĐ số 3926/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 của UBND thành phố)



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3821 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 9 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi,  
bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi,  
chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2575/QĐ-BKHHCN ngày 08/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Viễn thông và Internet, Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 302/TTr-SKHHCN ngày 11/9/2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung: 12 thủ tục hành chính lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. Nội dung thủ tục

hành chính được công bố tại Quyết định số 2575/QĐ-BKHCN ngày 08/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Viễn thông và Internet, Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (phụ lục đính kèm).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Ban hành quy trình nội bộ, xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) đảm bảo đúng quy định, hoàn thành trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Các PVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten Signature]*

**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông có định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông có định mặt đất).	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	x		- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
2	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	x		2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.  - Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.							nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
3	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp lệ của hồ sơ.	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.	x		- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		Thông có định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.							tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viên thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viên thông và giấy phép nghiệp vụ viên thông
4	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viên thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viên thông có	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp tính hồ lệ của hồ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp tính hồ lệ của hồ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.	x		- Luật Viên thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	sơ	sơ	hành chính công cấp xã				thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
5	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn	15 ngày kể từ ngày kết	7,5 ngày kể từ ngày kết	- Trung tâm Phục vụ hành chính	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy	x		- Luật Viễn thông năm 2023.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	<i>phép.</i>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.</li> <li>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ</li> </ul>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
6	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.	x		<p>viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viễn thông năm 2023.</li> <li>- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.</li> <li>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> <li>- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp,</li> </ul>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DV/CTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		CP.							quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viên thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viên thông và giấy phép nghiệp vụ viên thông.
7	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viên thông có hạ tầng mạng, loại mạng viên thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viên thông có phạm vi thiết lập mạng viên thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.	x		- Luật Viên thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viên thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
8	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông có định mật đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông có định mật đất).	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp tính hồ lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét hợp tính hồ lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: 500.000 đồng	x		2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông
									- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
9	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện,	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	x		nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.  - Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		Không sử dụng số thuế bao viển thông-có phạm-vi thiết lập mạng viển thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.							133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viển thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viển thông và giấy phép nghiệp vụ viển thông.
10	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viển thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét	7,5 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.	x		- Luật Viển thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		viễn thông có mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông có định mặt đất).	tính hợp lệ của hồ sơ	tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã				<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.</p> <p>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
11	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
12	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm	Không quy định	x		- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		công cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.			Phục vụ hành chính công cấp xã				<p>một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>

Số:4276 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 27 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.*

*Căn cứ Quyết định số 3212/QĐ-BKHCN ngày 17/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 3249/QĐ-BKHCN ngày 20/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 326/TTr-SKHCN ngày 20/10/2025 và Tờ trình số 330/TTr-SKHCN ngày 24/10/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: 07 thủ tục hành chính. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 3212/QĐ-BKHHCN ngày 17/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. (Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 14 thủ tục hành chính. (Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Điều 1 Quyết định này trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: TTPVHCC, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục 1**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1	1.014388	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.	Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trong thời hạn 17,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.</li> </ul>	Không quy định	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>Một phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>

2	1.014389	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.	Không quy định	x	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung. - Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	1.014390	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Không quy định	x	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 262/2025/NĐ-



5	1.014392	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của chức khoa học	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.</li> </ul>	x			<p>mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đề số và các vấn đề chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>
									<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đề số và các vấn đề chung.</li> <li>- Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27/6/2025 của</li> </ul>



7	1.014394	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu.	x			<p>tính, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025. - Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung. - Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
---	----------	---	---	---	--	---	--	--	--

**Phụ lục II**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của Chủ Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Sst	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
1	1.001786	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li><li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li></ul>	Đã công bố tại Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 20/10/2025
2	1.001770	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li><li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li></ul>	
3	1.001747	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li><li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li></ul>	

Stt	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
4	1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	
5	1.001693	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	
6	1.001677	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	
7	1.011818	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	Đã công bố tại Quyết định 3091/QĐ-UBND

Stt	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
		<p>công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p>		<p>ngày 04/10/2023</p>
8	1.011819	<p>Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	
9	1.011820	<p>Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	
10	1.013938	<p>Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> </ul>	<p>Đã công bố tại Quyết định số</p>

Stt	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
		công nghệ có vốn nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	4126/QĐ-UBND ngày 20/10/2025
11	1.013941	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	
12	1.013920	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	
13	1.013926	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyên đổi số và các vấn đề chung.</li> </ul>	
14	2.002502	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025.</li> </ul>	Đã công bố tại Quyết

Stt	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
		và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung.	định 687/QĐ-CT ngày 31/3/2019

Số: 3926 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2774/QĐ-BKHHCN ngày 18/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 303/TTr-SKHHCN ngày 19/9/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 07 thủ tục hành chính lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2774/QĐ-BKHHCN ngày 18/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được

sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Chi tiết, có phụ lục đính kèm).

## **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Ban hành quy trình nội bộ, xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) đảm bảo đúng quy định, hoàn thành trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;</li> <li>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ</li> <li>Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000 đồng (Kê từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng)</li> <li>Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000 đồng. (Kê từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp Quyết</li> </ul>	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;</li> <li>Nghị định số 133/2025/ ND-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</li> <li>Thông tư số 263/2016/</li> </ul>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
2	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét	10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - <i>Lệ phí đăng bạ Quyết</i>	x		TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 4/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		hữu công nghiệp.	tính hợp lệ của hồ sơ	tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu	<p><i>định cấp lại chứng chỉ: 75.000 đồng (Kê từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 150.000 đồng)</i></p> <p>- <i>Lệ phí cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000đ (Kê từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp lại Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000 đồng)</i></p>			<p>36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số -07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;</p> <p>- Nghị định số 133/2025/ ND-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 263/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 4/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
3	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Trung tâm Phục hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục hành chính công xã, phường, đặc khu	- Phí tham định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ - <i>Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng</i> (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng).	x	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về	
									ngày 16/10/2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<p>phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 4/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DV/CTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
4	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng</p> <p>- <i>Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng</i> (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng).</p>	x	<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;</p> <p>- Nghị định số 133/2025/ ND-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 263/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng</p>	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<p>phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 4/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p>
5	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố;</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính</p>	<p>- Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:</p>	x		<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
					công xã, phường, đặc khu	150.000 đồng). - Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ			14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/ ND-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 4/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023; - Thông tư số

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân
6	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	<p>- Trung tâm Phục hành chính công thành phố;</p> <p>- Trung tâm Phục hành chính công xã, phường, đặc khu</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đ</p> <p>- Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000 đồng. (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng).</p>	x		<p>- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;</p> <p>- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<p>nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 4/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p>
7	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng	60 ngày kể từ	30 ngày kể từ	- Trung tâm Phục vụ	- Phí thẩm định hồ sơ: 230.000 đồng/văn bản - Lệ phí cấp GCN	x		- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		chuyển quyền sử dụng tượng sở hữu công nghiệp.	ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu	ĐKKHD: 60.000 đồng/GCN (Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng). - Phí đăng bạ: 120.000 đồng/văn bằng - Phí công bố: 120.000 đồng/yêu cầu			tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 133/2025/ ND-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 263/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									số 31/2020/TT-BTC ngày 4/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

Số: 4494 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 8 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 335/TTr-SKHCCN ngày 28/10/2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 07 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ. (Chi tiết, có Phụ lục đính kèm).

### **Điều 2. Trách nhiệm thực hiện:**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Khoa học và công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trong Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố theo đúng quy định. Thời gian hoàn thành 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT. N.T.An.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*Handwritten signature of Hoàng Minh Cường*

**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài (1.014388)**

**1.1. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan;

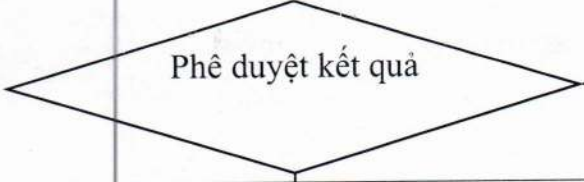
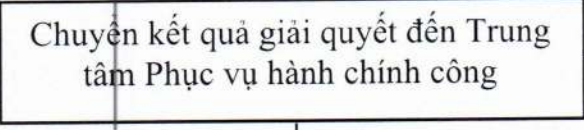
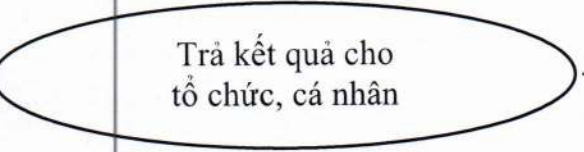
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các bộ, cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm về nội dung trả lời theo chức năng quản lý nhà nước được giao;

- Trong thời hạn 17,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, quyết định cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài; sao gửi Quyết định thành lập đến Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an.

**1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:**

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn tổ chức nộp hồ sơ; tiếp nhận hồ sơ và chuyển thụ lý	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công chuyên viên thụ lý, giải quyết hồ sơ	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	0,25 ngày làm việc

<b>B3</b>	Thẩm định hồ sơ, báo cáo Trưởng phòng trình lãnh đạo sở duyệt văn bản trình lãnh đạo UBND thành phố ký văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan	Chuyên viên phòng Quản lý Khoa học	2 ngày làm việc
<b>B4</b>	Ý kiến của các cơ quan xin ý kiến	Các cơ quan liên quan được xin ý kiến	10 ngày làm việc
<b>B5</b>	Tổng hợp ý kiến, thẩm định hồ sơ, trình Trưởng phòng xem xét kết quả thẩm định	Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học	02 ngày làm việc
<b>B6</b>	Xem xét kết quả giải quyết, trình lãnh đạo sở ký Tờ trình trình lãnh đạo UBND	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	0,25 ngày làm việc
<b>B7</b>	Xem xét, ký Tờ trình trình Lãnh đạo UBND thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Phó Giám đốc)	0,25 ngày làm việc
<b>B8</b>	Phân công thẩm tra hồ sơ	Trưởng phòng Văn xã - VP UBND thành phố	0,25 ngày làm việc
<b>B9</b>	Thẩm tra hồ sơ, báo cáo Trưởng phòng	Chuyên viên phòng Văn xã - VP UBND thành phố	0,5 ngày làm việc
<b>B10</b>	Xem xét kết quả thẩm tra, báo lãnh đạo Văn phòng UBND thành phố	Trưởng phòng Văn xã - VP UBND thành phố	0,5 ngày làm việc

B11		Lãnh đạo UBND thành phố	1,0 ngày làm việc
B12		Chuyên viên phòng Văn xã - VP UBND thành phố	0,25 ngày làm việc
B13		- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	Không tính thời gian

### 1.3. Diễn giải quy trình

#### a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 0,25 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, bàn giao hồ sơ cho Phòng Quản lý khoa học.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ công chức tiếp nhận hồ sơ lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

#### b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định

- Trưởng phòng QLKH phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trình lãnh đạo Sở ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do, nội dung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP, trả lại hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính và văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 15 ngày kể từ khi thông báo hoặc theo thời hạn quy định của pháp luật chuyên ngành, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa thực hiện thông tin cho phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật tham mưu cho lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối giải quyết hồ sơ, chuyển đến Bộ phận Một cửa đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ và tham mưu lãnh đạo Sở ký văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân quy định tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: Chuyên viên thẩm định hồ sơ, soạn văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan trình lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở trình lãnh đạo UBND thành phố ký văn bản xin ý kiến.

- Các cơ quan liên quan sau khi nhận được ý kiến các cơ quan liên quan có văn bản trả lời.

- Chuyên viên tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan, thẩm định hồ sơ trình lãnh đạo phòng xem xét kết quả giải quyết.

- Lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét kết quả thẩm định trình lãnh đạo sở ký Tờ trình

- Lãnh đạo Sở xem xét, ký Tờ trình trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả giải quyết

- Phòng Văn xã - Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thẩm tra hồ sơ, báo cáo lãnh đạo Văn phòng UBND thành phố xem xét, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả.

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kết quả

- Bộ phận Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố cấp số, thời gian ban hành văn bản, đăng ký văn bản đi, đóng dấu, phát hành văn bản.

Chuyên viên thẩm tra hồ sơ phòng Văn xã thực hiện số hóa kết quả giải quyết theo quy định chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố theo đúng thời gian quy định.

### **c) Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân**

Bộ phận trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố kiểm tra kết quả điện tử và kết quả giấy, trường hợp đảm bảo đúng quy định thực hiện xác nhận tiến hành trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Trường hợp kết quả giải quyết không đảm bảo đúng quy định chuyển trả lại chuyển trả lại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện kết quả giải quyết theo quy định, sau khi hoàn thiện kết quả giải quyết thực hiện số hóa, chuyển đến Trung tâm phục vụ hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

## 2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (1.014389)

### 2.1. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn không quá 2,5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phải có văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

- Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyển thụ lý	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Quản lý Khoa học	5,5 ngày làm việc
B4	Trình duyệt kết quả giải quyết TTHC	Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	0,5 ngày làm việc
B6	Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phòng Quản lý khoa học	0,25 ngày làm việc
B7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	Không tính thời gian

### **2.3. Diễn giải quy trình**

#### **a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 0,25 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, bàn giao hồ sơ cho Phòng Quản lý khoa học.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ công chức tiếp nhận hồ sơ lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

#### **b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định**

- Trưởng phòng QLKH phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trình lãnh đạo Sở ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do, nội dung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP, trả lại hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính và văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 2,5 ngày làm việc. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 15 ngày kể từ khi thông báo hoặc theo thời hạn quy định của pháp luật chuyên ngành, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa thực hiện thông tin cho phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật tham mưu cho lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối giải quyết hồ sơ, chuyển đến Bộ phận Một cửa đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ và tham mưu lãnh đạo Sở ký văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân quy định tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:

Nếu hồ sơ điều kiện, chuyên viên thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ với lãnh đạo phòng.

- Lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét kết quả thẩm định trình lãnh đạo sở phê duyệt kết quả giải quyết

- Lãnh đạo sở phê duyệt kết quả

- Bộ phận Văn thư sở cấp số, thời gian ban hành văn bản, đăng ký văn bản đi, đóng dấu, phát hành văn bản.

Chuyên viên chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố theo đúng thời gian quy định.

### **c) Trả kết quả**

Bộ phận trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố kiểm tra kết quả điện tử và kết quả giấy, trường hợp đảm bảo đúng quy định thực hiện xác nhận tiến hành trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Trường hợp kết quả giải quyết không đảm bảo đúng quy định chuyển trả lại chuyên trả lại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện kết quả giải quyết theo quy định, sau khi hoàn thiện kết quả giải quyết thực hiện số hóa, chuyển đến Trung tâm phục vụ hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

**3. Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (1.014390)**

**3.1. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa hợp lệ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ đã được thay đổi, bổ sung hoặc cấp lại. Trường hợp từ chối cấp, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyển thụ lý	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Quản lý Khoa học	3,0 ngày làm việc
B4	Trình duyệt kết quả giải quyết TTHC	Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	0,5 ngày làm việc

B6	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;"> Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công </div>	Phòng Quản lý Khoa học	0,25 ngày làm việc
B7	<div style="text-align: center;"> ↓  <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 10px; width: fit-content; margin: 0 auto;"> Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân </div> </div>	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	Không tính thời gian

### 3.3. Diễn giải quy trình

#### a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 0,25 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, bàn giao hồ sơ cho Phòng Quản lý khoa học.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ công chức tiếp nhận hồ sơ lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

#### b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định

- Trưởng phòng QLKH phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trình lãnh đạo Sở ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do, nội dung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP, trả lại hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính và văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 2,5 ngày làm việc. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 15 ngày kể từ khi thông báo hoặc theo thời hạn quy định của pháp luật chuyên ngành, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa thực hiện thông tin cho phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật tham mưu cho lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối giải quyết hồ sơ, chuyển đến Bộ phận Một cửa đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ và tham mưu lãnh đạo Sở ký văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân quy định tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:

Nếu hồ sơ điều kiện, chuyên viên thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ với lãnh đạo phòng.

- Lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét kết quả thẩm định trình lãnh đạo sở phê duyệt kết quả giải quyết

- Lãnh đạo sở phê duyệt kết quả

- Bộ phận Văn thư sở cấp số, thời gian ban hành văn bản, đăng ký văn bản đi, đóng dấu, phát hành văn bản.

Chuyên viên chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố theo đúng thời gian quy định.

### **c) Trả kết quả**

Bộ phận trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố kiểm tra kết quả điện tử và kết quả giấy, trường hợp đảm bảo đúng quy định thực hiện xác nhận tiến hành trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Trường hợp kết quả giải quyết không đảm bảo đúng quy định chuyển trả lại chuyên trả lại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện kết quả giải quyết theo quy định, sau khi hoàn thiện kết quả giải quyết thực hiện số hóa, chuyển đến Trung tâm phục vụ hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

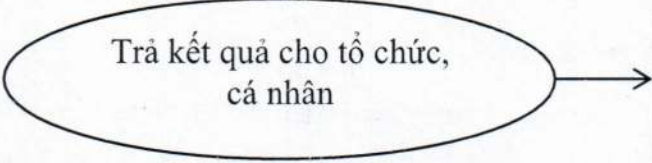
**4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (1.014391)**

**4.1. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn không quá 2,5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phải có văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

- Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định và cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyển thụ lý	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Quản lý Khoa học	5,5 ngày làm việc
B4	Trình duyệt kết quả giải quyết TTHC	Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	0,5 ngày làm việc
B6	Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phòng Quản lý Khoa học	0,25 ngày làm việc

B7		- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	Không tính thời gian
----	--	--	----------------------

### 4.3. Diễn giải quy trình

#### a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 0,25 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, bàn giao hồ sơ cho Phòng Quản lý khoa học.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ công chức tiếp nhận hồ sơ lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

#### b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định

- Trưởng phòng QLKH phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trình lãnh đạo Sở ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do, nội dung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP, trả lại hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính và văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 2,5 ngày làm việc. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 15 ngày kể từ khi thông báo hoặc theo thời hạn quy định của pháp luật chuyên ngành, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa thực hiện thông tin cho phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật tham mưu cho lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối giải quyết hồ sơ, chuyển đến Bộ phận Một cửa đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ và tham mưu lãnh đạo Sở ký văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân quy định tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:

Nếu hồ sơ điều kiện, chuyên viên thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ với lãnh đạo phòng.

- Lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét kết quả thẩm định trình lãnh đạo sở phê duyệt kết quả giải quyết

- Lãnh đạo sở phê duyệt kết quả

- Bộ phận Văn thư sở cấp số, thời gian ban hành văn bản, đăng ký văn bản đi, đóng dấu, phát hành văn bản.

Chuyên viên chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố theo đúng thời gian quy định.

### **c) Trả kết quả**

Bộ phận trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố kiểm tra kết quả điện tử và kết quả giấy, trường hợp đảm bảo đúng quy định thực hiện xác nhận tiến hành trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Trường hợp kết quả giải quyết không đảm bảo đúng quy định chuyển trả lại chuyên trả lại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện kết quả giải quyết theo quy định, sau khi hoàn thiện kết quả giải quyết thực hiện số hóa, chuyển đến Trung tâm phục vụ hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

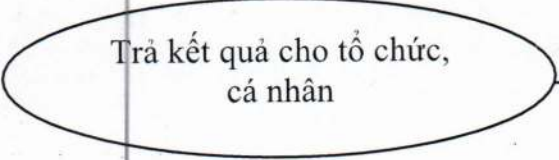
**5. Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (mã TTHC: 1.014392)**

**5.1. Sơ đồ quy trình giải quyết:**

- Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phải có văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định và cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyển thụ lý	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Quản lý Khoa học	3,0 ngày làm việc
B4	Trình duyệt kết quả giải quyết TTHC	Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Phó Giám đốc)	0,5 ngày làm việc
B6	Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phòng Quản lý Khoa học	0,25 ngày làm việc

B7		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm PVHCC thành phố</li> <li>- Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu</li> </ul>	Không tính thời gian
----	---	--	----------------------

### 5.3. Diễn giải quy trình

#### a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 0,25 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, bàn giao hồ sơ cho Phòng Quản lý khoa học.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ công chức tiếp nhận hồ sơ lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

#### b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định

- Trường phòng QLKH phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trình lãnh đạo Sở ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do, nội dung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP, trả lại hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính và văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 02 ngày làm việc. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 15 ngày kể từ khi thông báo hoặc theo thời hạn quy định của pháp luật chuyên ngành, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa thực hiện thông tin cho phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật tham mưu cho lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối giải quyết hồ sơ, chuyển đến Bộ phận Một cửa đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ và tham mưu lãnh đạo Sở ký văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân quy định tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:

Nếu hồ sơ điều kiện, chuyên viên thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ với lãnh đạo phòng.

- Lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét kết quả thẩm định trình lãnh đạo sở phê duyệt kết quả giải quyết

- Lãnh đạo sở phê duyệt kết quả

- Bộ phận Văn thư sở cấp số, thời gian ban hành văn bản, đăng ký văn bản đi, đóng dấu, phát hành văn bản.

Chuyên viên chuyên kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố theo đúng thời gian quy định.

### **c) Trả kết quả**

Bộ phận trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố kiểm tra kết quả điện tử và kết quả giấy, trường hợp đảm bảo đúng quy định thực hiện xác nhận tiến hành trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Trường hợp kết quả giải quyết không đảm bảo đúng quy định chuyển trả lại chuyên trả lại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện kết quả giải quyết theo quy định, sau khi hoàn thiện kết quả giải quyết thực hiện số hóa, chuyển đến Trung tâm phục vụ hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

## 6. Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (1.014393)

### 6.1. Sơ đồ quy trình giải quyết:

- Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, phải có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển, tiến hành thẩm định và cấp giấy công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển. Trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyên thụ lý	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Quản lý Khoa học	12,0 ngày làm việc
B4	Trình duyệt kết quả giải quyết TTHC	Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học	1,0 ngày làm việc
B5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Phó Giám đốc)	1,0 ngày làm việc

<b>B6</b>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;"> Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công </div>	Phòng Quản lý Khoa học	0,25 ngày làm việc
<b>B7</b>	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 10px; width: fit-content; margin: 0 auto;"> Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân </div>	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	Không tính thời gian

### 6.3. Diễn giải quy trình

#### a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 0,25 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, bàn giao hồ sơ cho Phòng Quản lý khoa học.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ công chức tiếp nhận hồ sơ lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

#### b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định

- Trưởng phòng QLKH phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trình lãnh đạo Sở ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do, nội dung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP, trả lại hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính và văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 2,5 ngày làm việc. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 15 ngày kể từ khi thông báo hoặc theo thời hạn quy định của pháp luật chuyên ngành, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa thực hiện thông tin cho phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật tham mưu cho lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối giải quyết hồ sơ, chuyển đến Bộ phận Một cửa đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ và tham mưu lãnh đạo Sở ký văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân quy định tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:

Nếu hồ sơ điều kiện, chuyên viên thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ với lãnh đạo phòng.

- Lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét kết quả thẩm định trình lãnh đạo sở phê duyệt kết quả giải quyết

- Lãnh đạo sở phê duyệt kết quả

- Bộ phận Văn thư sở cấp số, thời gian ban hành văn bản, đăng ký văn bản đi, đóng dấu, phát hành văn bản.

Chuyên viên chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố theo đúng thời gian quy định.

### **c) Trả kết quả**

Bộ phận trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố kiểm tra kết quả điện tử và kết quả giấy, trường hợp đảm bảo đúng quy định thực hiện xác nhận tiến hành trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Trường hợp kết quả giải quyết không đảm bảo đúng quy định chuyển trả lại chuyên trả lại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện kết quả giải quyết theo quy định, sau khi hoàn thiện kết quả giải quyết thực hiện số hóa, chuyển đến Trung tâm phục vụ hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

**7. Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ (1.014394)**

**7.1. Sơ đồ quy trình giải quyết:**

- Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phải có văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện xem xét và có văn bản thông báo về việc đáp ứng các điều kiện. Trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyển thụ lý	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	0,25 ngày làm việc
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Trưởng phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Quản lý Khoa học	3,0 ngày làm việc
B4	Trình duyệt kết quả giải quyết TTHC	Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học	0,5 ngày làm việc
B5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	0,5 ngày làm việc
B6	Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phòng Quản lý Khoa học	0,25 ngày làm việc

B7	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 10px; display: inline-block;">         Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân       </div>	- Trung tâm PVHCC thành phố - Trung tâm PVHCC xã, phường, đặc khu	Không tính thời gian
----	--	--	----------------------

### 7.3. Diễn giải quy trình

#### a) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Công chức của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố thực hiện kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 0,25 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, bàn giao hồ sơ cho Phòng Quản lý khoa học.

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ công chức tiếp nhận hồ sơ lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc lập phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

#### b) Thẩm định và ký duyệt hồ sơ theo quy định

- Trưởng phòng QLKH phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ: Nếu hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, trình lãnh đạo Sở ký văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do, nội dung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP, trả lại hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính và văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 02 ngày làm việc. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. Sau 15 ngày kể từ khi thông báo hoặc theo thời hạn quy định của pháp luật chuyên ngành, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa thực hiện thông tin cho phòng Quản lý hạ tầng kỹ thuật tham mưu cho lãnh đạo Sở ký văn bản từ chối giải quyết hồ sơ, chuyển đến Bộ phận Một cửa đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết trả lại hồ sơ và tham mưu lãnh đạo Sở ký văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân quy định tại Thông tư 03/2025/TT-VPCP đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định.

- Nếu hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:

Nếu hồ sơ điều kiện, chuyên viên thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ với lãnh đạo phòng.

- Lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét kết quả thẩm định trình lãnh đạo sở phê duyệt kết quả giải quyết

- Lãnh đạo sở phê duyệt kết quả

- Bộ phận Văn thư sở cấp số, thời gian ban hành văn bản, đăng ký văn bản đi, đóng dấu, phát hành văn bản.

Chuyên viên chuyên kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố theo đúng thời gian quy định.

### **c) Trả kết quả**

Bộ phận trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố kiểm tra kết quả điện tử và kết quả giấy, trường hợp đảm bảo đúng quy định thực hiện xác nhận tiến hành trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Trường hợp kết quả giải quyết không đảm bảo đúng quy định chuyển trả lại chuyên trả lại Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện kết quả giải quyết theo quy định, sau khi hoàn thiện kết quả giải quyết thực hiện số hóa, chuyển đến Trung tâm phục vụ hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5102 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 384/TTr-SKHCHN ngày 10/12/2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành: 01 thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ (Chi tiết, có Phụ lục đính kèm).

### Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu để niêm yết, công khai hướng dẫn tiếp nhận và trả

kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: TTPVHCCTP, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT. N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG**  
**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**PHẦN I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục xét duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo	Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố ngày 26/10/2025 về ban hành Quy định phương thức, điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.

## PHẦN II NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### **1. Thủ tục xét duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo.**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị xét duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo về Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

- Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc (kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ), nếu hồ sơ có sai sót hoặc không đầy đủ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ. Doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

+ Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 7 và 8 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ. Thành phần tổ thẩm định gồm 07 - 09 thành viên, gồm đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố và các chuyên gia. Tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong vòng 7,5 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thành lập.

+ Đối với các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát thực tế và thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức đánh giá chuyên sâu. Việc thành lập hội đồng, phương thức, nội dung làm việc, kết quả họp Hội đồng thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

- Căn cứ kết quả thẩm định hoặc đánh giá, trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày họp Tổ thẩm định hồ sơ hoặc Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức đánh giá chuyên sâu, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định hỗ trợ (nếu được hội đồng thông qua).

#### **b) Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu 01.ĐĐN tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết 19/2025/NQ-HĐND.

- Bản sao văn bản công nhận hoặc xác nhận doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Các hồ sơ minh chứng liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ

+ Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 và 2 Điều 7 của Quy định này: Bản sao Hợp đồng thuê sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung hoặc Hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu; chứng từ minh chứng liên quan.

+ Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này: Bản sao Quyết định cấp và văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới.

+ Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy định này: Bản sao công bố Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc quốc tế được cơ quan có thẩm quyền đánh giá và áp dụng tại doanh nghiệp; Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn; Danh sách sản phẩm được tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia và chứng từ minh chứng liên quan.

+ Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy định này: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng, sản phẩm, bản sao Dự án đã được phê duyệt và biên bản nghiệm thu dự án và chứng từ minh chứng liên quan; Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu 02.BCKQ-DN tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

+ Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 6 Điều 7 của Quy định này: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng, báo cáo việc chứng từ liên quan; bản sao Dự án đã được phê duyệt và biên bản nghiệm thu dự án và chứng từ minh chứng liên quan; Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu 02.BCKQ-DN tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

+ Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 7 Điều 7 của Quy định này: Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ đào tạo; chứng từ chi cho đào tạo, huấn luyện chuyên sâu gồm học phí, tài liệu, ăn, ở, đi lại.

+ Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 8 Điều 7 của Quy định này: Bản sao hợp đồng hoặc chứng từ và các tài liệu minh chứng kèm theo. Trong đó, đối với sàn thương mại điện tử trong nước: Phí thanh toán, phí cố định và phí dịch vụ người bán phải trả cho sàn thương mại điện tử; đối với sàn thương mại điện tử quốc tế: Phí tài khoản người bán, phí giới thiệu, phí hoàn thiện đơn hàng, phí lưu kho, chi phí đăng ký mã vạch sản phẩm, chi phí thiết kế và chụp ảnh sản phẩm, chi phí quảng cáo trên sàn thương mại điện tử; đối với hỗ trợ tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo: Phí, lệ phí tham gia cuộc thi, ăn, ở tại nước sở tại, đi lại, vận chuyển tài liệu, sản phẩm, trang thiết bị phục vụ tham gia cuộc thi.

*Lưu ý: Tài liệu trong hồ sơ được lập bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực theo quy định.*

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 7 và 8 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối với các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 Điều 7 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND: 17,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo có trụ sở chính trên địa bàn thành phố.

**e) Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Sở Khoa học và Công nghệ.

**g) Kết quả thực hiện TTHC:**

- Quyết định hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo.

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu 01.ĐĐN: Đơn đề nghị hỗ trợ.

- Mẫu 02.BCKQ-DN: Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nội dung đề nghị hỗ trợ.

- Các nội dung đề nghị hưởng chính sách chỉ áp dụng sau ngày doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn thành phố và chỉ áp dụng đối với trụ sở chính và trụ sở các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

- Sản phẩm, kết quả đề nghị hỗ trợ có sau ngày Nghị quyết có hiệu lực; có hồ sơ, tài liệu minh chứng hợp lệ liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ.

- Được công nhận là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo bởi cơ quan có thẩm quyền.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị quyết số 16/2029/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành Quy định phương thức, điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.



CÔNG TY .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA  
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO/ĐỔI MỚI  
SÁNG TẠO**

**I. Thông tin doanh nghiệp:**

- Tên, địa chỉ trụ sở:
- Lãnh đạo doanh nghiệp: (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
- Số, ngày cấp, nơi cấp giấy xác nhận/chứng nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/đổi mới sáng tạo:
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính:

**II. Tổng quan các nội dung đề nghị hỗ trợ và tổng kinh phí đề xuất:**

**III. Chi tiết các nội dung đề nghị hỗ trợ:**

**1. Nội dung đề nghị hỗ trợ 1:** (VD: Hỗ trợ chi phí tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ ....)

- Lý do triển khai hoạt động này, tầm quan trọng của việc triển khai:
- Quá trình triển khai:
- Tổ chức/cá nhân và nội dung ký kết hợp đồng triển khai:
- Tiêu chí đánh giá:
- Kết quả triển khai:
- Sản phẩm đạt được:
- Thời gian thực hiện:
- Kinh phí triển khai:
- Đề xuất hỗ trợ kinh phí và Căn cứ đề xuất hỗ trợ:
- Các tài liệu minh chứng kèm theo.

**2. Nội dung đề nghị hỗ trợ 2:**

- Lý do triển khai hoạt động này, tầm quan trọng của việc triển khai:
- Quá trình triển khai:
- Tổ chức/cá nhân và nội dung ký kết hợp đồng triển khai:
- Tiêu chí đánh giá:

- Kết quả triển khai:
- Sản phẩm đạt được:
- Thời gian thực hiện:
- Kinh phí triển khai:
- Đề xuất hỗ trợ kinh phí và Căn cứ đề xuất hỗ trợ:
- ...
- Các tài liệu minh chứng kèm theo.

*Hài Phòng, ngày.....tháng ..... năm 20...*  
**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*